

Số: /TB-TTPVHCC

Lê Đại Hành, ngày tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Thực hiện Công văn số 3715/SNNMT-VP ngày 04/7/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc công khai thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Thực hiện các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố số 2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2022/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2167/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý đề điều và phòng chống thiên tai, thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2168/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2169/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2170/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2171/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2172/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2173/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh

vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2174/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2196/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2198/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; số 2787/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo hỗ trợ hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính. Trung tâm phục vụ hành chính công phường Lê Đại Hành thông báo niêm yết công khai Danh mục thủ tục hành chính và các quyết định được công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng tại địa chỉ <http://haiphong.gov.vn> và cổng thông tin điện tử phường Lê Đại Hành tại địa chỉ: <http://ledaihanh.haiphong.gov.vn>.

Nội dung cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính mới ban hành và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính:

1.1. Công bố danh mục 17 thủ tục hành chính mới ban hành và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn, tài nguyên nước, chăn nuôi và thú y, đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

(Có danh mục TTHC cụ thể kèm theo)

1.2. Công bố danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của của Sở Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Có danh mục TTHC cụ thể kèm theo)

1.3. Công bố danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của của Sở Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Có danh mục TTHC cụ thể kèm theo).

1.4. Công bố danh mục 05 thủ tục hành chính mới ban hành và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Có danh mục TTHC cụ thể kèm theo).

1.5. Công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành, 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Có danh mục TTHC cụ thể kèm theo).

1.6. Công bố danh mục 03 thủ tục hành chính mới ban hành, thuộc lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Có danh mục TTHC cụ thể kèm theo).

2. Giao chuyên viên Trung tâm hành chính công phường tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả cho cá nhân, tổ chức đảm bảo đúng quy định và phù hợp với điều kiện của địa phương.

3. Thông tin thủ tục hành chính tại khoản 1 thông báo này được niêm yết tại Trung tâm phục vụ Hành chính công và đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử phường tại địa chỉ <http://ledaihanh.haiphong.gov.vn>.

Trung tâm phục vụ hành chính công phường Lê Đại Hành thông báo để cán bộ, công chức chuyên môn phường phối hợp, triển khai thực hiện; cá nhân, tổ chức liên quan được biết và liên hệ giải quyết thủ tục hành chính./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, ban chuyên môn UBND phường;
- Lãnh đạo, chuyên viên TTPV HCC;
- Trang Thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Việt

A. DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT, KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, TÀI NGUYÊN NƯỚC, CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y, ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(Kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (17 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính			
I. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (01 TTHC)											
1	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	18 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025		
II. Lĩnh vực chăn nuôi (02 TTHC)											
1	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, ni tơ lỏng, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025; - Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025		
2	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình Ni tơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025; - Quyết định số 2303/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025		

		nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng với sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước								
III. Lĩnh vực tài nguyên nước (01 TTHC)										
1	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	08 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023; - Các Nghị định số: 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024; số 131/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
IV. Lĩnh vực đất đai (13 TTHC)										
1	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp GCN trước ngày 01/7/2024	- 20 ngày làm việc - 30 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
2	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	- 8 ngày làm việc - 18 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
3	1.012791	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	- 45 ngày làm việc - 55 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
4	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc Đối với các xã	Trung tâm phục vụ hành chính công	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày	

		quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	cấp xã	phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí				29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
5	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất không qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017. - Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Các Nghị định số: 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018; số 102/2018/NĐ-CP ngày 30/7/2024; số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 136/NĐ-CP ngày 12/6/2025; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
6	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
7	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời gian sử dụng đất của dự án đầu tư.	- 05 ngày làm việc - 15 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	
8	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất,	- 7 ngày làm việc - 25 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết		

		cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	chính công cấp xã	các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí			quả		
9	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không	- 35 ngày làm việc - 45 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.	

		có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở							
10	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	- 17 ngày làm việc - 27 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
11	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận.	- 10 ngày làm việc - 20 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
12	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	- 15 ngày làm việc - 25 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.
13	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	- 45 ngày làm việc - 60 ngày làm việc Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG THAY ĐỔI THEO NGHỊ ĐỊNH 151/NĐ-CP NGÀY 12/6/2025 (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính			
I. Lĩnh vực đất đai (01 TTHC)											
1	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	30 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Một phần	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Đất đai số 31/2025/QH15 ngày 18/01/2024. - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Quyết định số 2304/QĐ-2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025.		

B. DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (07 TTHC)

[illegible]

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực kiểm lâm (01 TTHC)			
1	1.012693	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 131/2025/Đ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường

C. DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (02TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025; - Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 23/6/2025.	
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	13 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025; - Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 23/6/2025.	

D. DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO, THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2170/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ (05TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
1	3.000439	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	29 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
2	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
3	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	39 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
4	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	24 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
5	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	14 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Các Nghị định số: 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Quyết định số 2298/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	

E. DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC THỦY LỢI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG
NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (01 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
1	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 - Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (03 TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính		
1	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	30 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 - Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
2	2.001627	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	20 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
3	1.003471	Phê duyệt đề	10	Trung tâm	Không		Toàn	Tiếp nhận	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày	

		cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	ngày làm việc	phục vụ hành chính công cấp xã	quy định		trình	và trả kết quả	19/6/2017. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 - Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025. - Quyết định số 2305/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	
--	--	--	---------------	--------------------------------	----------	--	-------	----------------	--	--

G. DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI ĐƯỢC BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BỎ BỎ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của Chủ tịch UBND thành phố)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH (03TTHC)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm nộp hồ sơ	Phí/lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ			Căn cứ pháp lý	Ghi chú	
						Trực tiếp	Trực tuyến trên DVCQG	Dịch vụ bưu chính			
I.Lĩnh vực Lâm nghiệp (03 TTHC)											
01	1.012922	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	-Các Nghị định: số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. -Quyết định số 2405/QĐBNNMT ngày 27/6/2025.		
02	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	-Các Nghị định: số 58/2024/NĐCP ngày 24/5/2024; số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. -Quyết định số 2405/QĐBNNMT ngày 27/6/2025.		
03	1.011471	Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	07 ngày	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		Toàn trình	Tiếp nhận và trả kết quả	-Thông tư số 26/2025/TTBNNMT ngày 24/6/2025. -Quyết định số 2391/QĐBNNMT ngày 27/6/2025.		

		Trường hợp không cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	07 ngày làm việc							
		Trường hợp cần xác minh tính chính xác của hồ sơ trình phê duyệt phương án khai thác	10 ngày làm việc							

